



SỰ SUY YẾU CỦA ĐỒNG ĐÔ LA VÀ QUYỀN LỰC HOA KỲ

Nguồn: Jonathan Kirshner (2013). "Bringing Them All Back Home? Dollar Diminution and U.S. Power", *The Washington Quarterly*, Vol. 36, No. 3, pp. 27-45.

Biên dịch: Đặng Thị Huyền | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Quyền lực của Mỹ đang đối mặt với những khó khăn kinh tế vĩ mô mới. Chúng xuất phát từ một sự thay đổi cơ bản và thường bị đánh giá thấp, đó là sự thay đổi trong cam kết của Mỹ với trật tự kinh tế vĩ mô toàn cầu, điều vốn cũng làm phức tạp hóa chính trị quốc tế. Từ trước Thế chiến II, hệ thống tiền tệ và tài chính quốc tế đã phục vụ để tăng cường quyền lực và khả năng của Mỹ trong quan hệ với các quốc gia khác. Tuy nhiên từ đầu thế kỷ 21, những vấn đề kinh tế tiềm ẩn đã đe dọa biến nguồn quyền lực truyền thống (một cách kín đáo) này thành một điểm yếu kinh niên. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-08 đã làm tăng nguy cơ này. Mỹ có thể sẽ phải đối mặt với những khó khăn mới về quyền lực, do cuộc khủng hoảng và do những rắc rối mới của việc quản lý đồng đô la như một loại tiền tệ toàn cầu. Hơn nữa, việc giới tinh hoa và công dân Mỹ không quen đối mặt với những khó khăn kiểu này sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định mức độ nghiêm trọng họ gặp phải trong thực tế.

Từ trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhiều nhà quan sát đã dự đoán sự sụt giảm tương đối của đồng đô la trong vai trò một loại tiền tệ quốc tế. Vì nhiều lý do, cuộc khủng hoảng đã làm đẩy nhanh quá trình này, gia tăng áp lực lên đồng đô la và làm trầm trọng thêm những điểm yếu của nó. Đặc biệt, sự mất uy tín của mô hình kinh tế Mỹ, đặc biệt là ở châu Á, và sự cạnh tranh vai trò quốc tế của đồng đô la từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là từ đồng tiền Trung Quốc (còn được gọi là đồng nhân dân tệ, hay RMB), cũng như đồng Euro, sẽ tạo nên những

thách thức mới đối với đồng bạc xanh và việc quản lý kinh tế vĩ mô của Mỹ. Bài viết này làm sáng tỏ những hậu quả chính trị quốc tế của sự phát triển này đối với quyền lực Mỹ nói riêng và chính trị quốc tế nói chung.

Sự kết thúc của trật tự tài chính Mỹ lần thứ 2

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-08, thảm họa kinh tế tồi tệ nhất kể từ cuộc Đại suy thoái, là một rối loạn cơ bản của cái mà tôi gọi là “Trật tự kinh tế quốc tế Mỹ hậu chiến lần thứ 2”. Trật tự lần thứ nhất được thiết lập bởi Mỹ, hệ thống Bretton Woods 1948-1973, được dựa trên một lý thuyết mà nhà khoa học chính trị John Ruggie gọi là “chủ nghĩa tự do lai ghép” (embedded liberalism) – một triết lý quốc tế chủ nghĩa định hướng thị trường (tức tự do), nhưng bị ảnh hưởng bởi những thất bại của cuộc Đại suy thoái và dẫn đến sự hoài nghi đối với các lực lượng thị trường không được điều tiết. Tuy nhiên, trật tự lần thứ 2, “dự án toàn cầu hóa” 1994-2007, đã lấy việc tự do hóa tài chính, cả trong và ngoài nước, làm chuẩn mực. Trật tự mới này được dựa trên một triết lý kinh tế rất khác, đó là một “chủ nghĩa thị trường chính thống” (market fundamentalism). Nó được dựa trên ý tưởng rằng những thị trường tự do và không bị giám sát, kể cả thị trường tài chính, luôn biết rõ nhất và mang lại một cách tự nhiên những kết quả hiệu quả nhất.

Được khuyến khích bởi giới tài chính và phản ánh một sự đồng thuận mới giữa các nhà kinh tế học, chính quyền Clinton dẫn đầu một chiến dịch lưỡng đảng để tháo dỡ các bức tường lửa thời Đại suy thoái, thứ được thiết kế để kiềm chế sự bất ổn trong lĩnh vực tài chính trong nước. Những nhân vật chủ chốt trong nỗ lực này là Bộ trưởng Tài chính (và cựu đồng chủ tịch Goldman Sachs) Robert Rubin, người phó của ông (và người kế nhiệm) Lawrence Summers, chủ tịch Ủy ban Ngân hàng Thượng viện Phil Gramm (người sẽ tham gia gã khổng lồ tài chính UBS ngay sau khi rời khỏi Thượng viện), và chủ tịch hội đồng quản trị Cục dự trữ Liên bang Alan Greenspan. Những nỗ lực nhằm rút bớt cả việc điều tiết lẫn giám sát lĩnh vực tài chính đã được thúc đẩy nhanh hơn bởi việc chuyển đổi sang chính quyền Bush (cùng với sự tiếp tục chính sách này tại Cục dự trữ Liên bang của Greenspan). Đạo luật Gramm-Leach-Bliley 1999 đã pháp điển hóa nhiều sự thay đổi này, bao gồm việc bãi bỏ Đạo luật Ngân hàng Glass-Steagall 1933, vốn là đạo luật điều tiết và kiểm soát trật tự tài chính đầy rủi ro từng góp phần chủ yếu dẫn đến cuộc Đại suy thoái.

Tháo dỡ những quy định hiện hành chỉ là một nửa của dự án lớn về tự do hóa tài chính những năm 1990. Nửa còn lại là cuộc chiến nhằm chống giám sát và điều tiết những lĩnh vực mới và đang được mở rộng một cách mạnh mẽ của nền

kinh tế tài chính, những lĩnh vực mới này đã tạo ra lượng của cải khổng lồ và thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của ngành này nhưng lại mang trong mình các rủi ro hệ thống. Các hiện tượng liên quan đến nhau của việc chứng khoán hóa (việc đóng gói lại, trộn lẫn, và bán lại các gói tài sản tài chính, ví dụ như các khoản thế chấp) và sự tăng trưởng đáng kinh ngạc của giao dịch sản phẩm phái sinh (bất kỳ tài sản nào có giá trị bắt nguồn từ tài sản khác, từ những hợp đồng tương lai và quyền chọn đơn giản cho đến những rủi ro vô cùng phức tạp và sản phẩm bảo hiểm khác thường) đã tạo nên sự tài chính hóa của nền kinh tế Mỹ. Những hoạt động này đã phần lớn không được giám sát bởi một bộ máy giám sát và điều tiết vốn đã được thiết kế từ lâu trước khi những sản phẩm đó xuất hiện.

Một vài tiếng nói đã nêu lên các lo ngại về những diễn biến này, như Văn phòng Kiểm toán Chính phủ Mỹ (GAO). Cơ quan này cảnh báo rằng “quy mô và mức độ tập trung của các hoạt động sản phẩm phái sinh, kết hợp với các mối liên kết liên quan, có thể khiến bất kỳ một sự gián đoạn tài chính nào lây lan nhanh hơn và khó kiểm chế hơn”. GAO lo lắng rằng việc này có thể dẫn đến “khủng hoảng hệ thống”, và kêu gọi hiện đại hóa cơ chế quản lý. Nhưng các báo cáo của GAO chỉ gây ra phản ứng dữ dội từ ngành tài chính và các nỗ lực vận động hành lang lớn, mở đường cho đạo luật Hiện đại hóa Hợp đồng hàng hóa tương lai năm 2000, trong đó cấm điều tiết sản phẩm phái sinh, bao gồm các giao dịch hoán đổi nợ xấu vốn sẽ đóng vai trò trung tâm trong khủng hoảng tài chính 2007-08.²

Sự nổi lên của “văn hóa Washington – Phố Wall” – được tiếp tay bởi sự chấp thuận của các nhà kinh tế học – đã tạo ra môi trường dễ dãi của việc chứng khoán hóa không được giám sát và bong bóng nhà đất. Các nhà ngân hàng, chính trị gia, và các nhà quản lý tham gia vào hệ thống này nhiều đến nỗi mà ẩn dụ về cánh cửa quay còn chưa đủ để miêu tả trường hợp này – nó giống như là một chuỗi xoắn kép hơn, in dấu DNA chung của thị trường tài chính hiệu quả. Đây cũng là một thời đại, như nhà cựu kinh tế trưởng của IMF Simon Johnson đã phát biểu, khi phố Wall “chuyển quyền lực kinh tế ngày một phát triển của nó thành quyền lực chính trị” và “triết lý về đổi mới tài chính đã trở thành sự khôn ngoan ai cũng biết ở Washington”. Lĩnh vực tài chính đã đầu tư 5 tỷ USD vào quá trình chính trị (tức các đảng phái) trong giai đoạn 1998-2008.³

Không có gì đáng ngạc nhiên khi trong môi trường này, ngành tài chính Mỹ trở nên lớn hơn, tập trung hơn, và rủi ro hơn. Từ 1980 đến 2002, ngành chế tạo của Mỹ đã giảm từ 21% của GDP xuống còn 14%, nhưng tài chính (lĩnh vực đang phát triển lớn nhất và nhanh nhất trong nền kinh tế Mỹ) tăng tỉ trọng từ 14% lên 21%. Đây là một sự chuyển biến đáng kể, đặc biệt là khi chúng ta nhớ rằng tài

chính giống như quảng cáo, vốn là ngành có nhiệm vụ phục vụ nền kinh tế, chứ không phải là *bản thân* nền kinh tế. Nhưng trong năm 2007, tài chính chiếm 47% lợi nhuận doanh nghiệp Mỹ. Và từ 1981-2008, nợ của khu vực tài chính tăng từ 22% lên 117% GDP, là đỉnh của tảng băng trôi của rủi ro đã di căn trong sự trỗi dậy của việc xóa bỏ điều tiết.

Thay đổi cán cân quyền lực

Cuộc khủng hoảng đang làm nảy sinh cả hậu quả về vật chất và tinh thần. Về mặt vật chất, nó tạo ra những điểm yếu mới của Mỹ và thúc đẩy 2 xu hướng đã có từ trước: khả năng chính trị quốc tế của Mỹ giảm sút và sự tiếp tục nổi lên của Trung Quốc. Điều mới mẻ trong cuộc khủng hoảng 2007-08 không phải ở chỗ nó đã xảy ra – vì khủng hoảng tài chính quốc tế là một hiện tượng rất phổ biến – mà là ở chỗ đối với nền kinh tế Mỹ, cuộc khủng hoảng đã “tác động vào chính nước này”. Trong thời gian có sự điều tiết từ những năm 1940-1970, Hoa Kỳ đã không trải qua khủng hoảng tài chính lớn. Nó chỉ xảy ra (một cách đều đặn) trong thời kỳ không được điều tiết hồi thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, rồi xuất hiện trở lại trong những năm 1980 trong thời kỳ bãi bỏ điều tiết.⁵ Cuộc khủng hoảng lần này vì vậy khác biệt chủ yếu ở thực tế rằng Hoa Kỳ nằm ở tâm chấn của nó, và rằng Hoa Kỳ phải gánh chịu nhiều chi phí. Nói rộng ra, điều này cho thấy việc kinh tế Mỹ đang phải chịu những áp lực tài chính từ bên ngoài ở một cấp độ mới và hiếm có.⁴

Hơn nữa, chính sách ứng phó với khủng hoảng đã thêm vào những gánh nặng và lổ hổng cơ bản mà thực ra đã rõ ràng trong nền kinh tế Mỹ. Những biện pháp khẩn cấp cần thiết, như cung cấp thanh khoản lớn và tăng mạnh chi tiêu chính phủ, sẽ làm xuất hiện vấn đề lớn là làm thế nào để kéo chúng lại trong những năm tới. Hoặc là Hoa Kỳ sẽ không làm được như vậy, và gây tổn hại đến sức khỏe lâu dài của nền kinh tế (và theo đó là quyền lực quốc tế của nó theo thời gian), hoặc là nó sẽ có biện pháp táo bạo để “đưa mọi thứ trở về trật tự”. Theo đó, trong số nhiều biện pháp sẽ có sự cắt giảm cả chi tiêu quân sự lẫn ham muốn của Mỹ đối với chủ nghĩa phiêu lưu quốc tế. Trong cả 2 trường hợp, Hoa Kỳ sẽ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này trong một vị thế chính trị quốc tế tương đối xấu hơn bây giờ.

Một thách thức đối với quyền lực của Hoa Kỳ liên quan đến quỹ đạo của đồng đô la trong vai trò một loại tiền tệ quốc tế. Mặc dù đồng đô la đã đóng vai trò như một nơi trú ẩn an toàn trong suốt cuộc khủng hoảng này, triển vọng dài hạn của nó là đáng báo động. Bởi vì đồng đô la là “đồng tiền chủ chốt” của thế giới, có một số lượng lớn đô la được nắm giữ ở nước ngoài. Vì vậy, nếu một tia lửa ở đâu

đó gây ra một cuộc khủng hoảng tài chính liên quan đến đồng đô la, một làn sóng đô la có thể làm ngập lụt thị trường do những kỳ vọng ẩn sau về giá trị tương lai của nó. Tóm lại, Hoa Kỳ đã nổi lên từ cuộc khủng hoảng với tốc độ phát triển kinh tế chậm chạp, phơi bày những sự yếu kém của nền kinh tế, và một đồng đô la bị nghi ngờ hơn.

Tất cả điều này tương phản với sự phục hồi tương đối nhanh chóng của Trung Quốc từ cuộc khủng hoảng cho đến nay, điều cuối cùng sẽ chuyển thành quyền lực quân sự lớn hơn và chi tiêu quốc phòng sẽ tăng lên tương xứng. (Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế kéo dài của Trung Quốc là không chắc chắn, điều đang làm dấy lên một loạt các câu hỏi quan trọng khác). Tốc độ phục hồi từ cuộc khủng hoảng hiện nay đã đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế tương đối của Trung Quốc. Nếu được duy trì, điều này sẽ dẫn đến những hậu quả chính trị sâu sắc. Trung Quốc hiện là nước nhập khẩu lớn thứ 2 trên thế giới, hấp thụ hơn 1 nghìn tỷ USD giá trị hàng hóa của các nước khác mỗi năm. Kết quả là, vị thế và ảnh hưởng của Trung Quốc đã được nâng cao. Các nước có quan hệ thương mại với Trung Quốc sẽ phải xem xét cách quyết định chính sách đối ngoại của họ có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ của họ với Bắc Kinh như thế nào.

Ngoài những thay đổi cán cân quyền lực và ảnh hưởng chính trị tương đối, những hậu quả tinh thần của cuộc khủng hoảng cũng sẽ ảnh hưởng đến chính trị thế giới. Những ngân hàng cũ đáng kính không phải thứ duy nhất bị sụp đổ trong năm 2007-08 – mà tính chính đáng của Trật tự của Mỹ sau Thế chiến 2 cũng bị sụp đổ. Ngay cả khi ai đó bác bỏ quan điểm rằng mô hình tài chính không bị điều tiết của Mỹ là có lỗi hổng, ba mệnh đề sau đây là không thể bàn cãi và quan trọng: (1) đối với phần lớn thế giới, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu là cuộc khủng hoảng tài chính lớn thứ 2 trong vòng 10 năm (đáng chú ý nhất, với nhiều người, là nó xếp sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997); (2) Hoa Kỳ là trung tâm của cuộc khủng hoảng, và (3) các chủ thể quốc tế quan trọng không chia sẻ việc giải thích về cuộc khủng hoảng được hàm ý bởi các chính sách của Mỹ.

Đặc biệt, phản ứng của Mỹ với cuộc khủng hoảng cho thấy “chủ nghĩa thị trường chính thống” vẫn giữ sự thống trị. Từ quan điểm này, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu là một con “thiên nga đen” – một sự kiện hiếm hoi và không thể đoán trước. Sét đôi khi đánh, nhiều khi gây ra tàn phá lớn, nhưng hệ thống tài chính là an toàn như là chúng ta thực tế có thể mong đợi. Những điều chỉnh hoặc cải cách khiêm tốn có thể làm cho hệ thống an toàn hơn, nhưng triết lý cơ bản vẫn là hoạt động tài chính về cơ bản là hiệu quả và có khả năng tự điều chỉnh.

Giải thích này trái ngược với những gì tôi sẽ gọi là quan điểm “KKM”, đặt theo tên của John Maynard Keynes, Charles Kindleberger, và Hyman Minsky: các nhà kinh tế trên cho rằng thị trường tài chính, đặc biệt là những thị trường tự điều chỉnh, là dễ bị khủng hoảng. Quan điểm này cho rằng khủng hoảng tài chính là phổ biến trong lịch sử, và được gây nên bởi hệ thống tài chính không được quản lý và giám sát. Giải thích này hàm ý rằng mô hình kinh tế - chính trị của Mỹ những năm 1990 là thiếu sót và cần được cải cách. Tôi xin lưu ý rằng KKM rõ ràng được lịch sử ủng hộ,⁶ nhưng không quan trọng ai là người đúng trong cuộc tranh luận này; điều quan trọng là bây giờ, sau cuộc khủng hoảng, sự bất đồng vẫn tồn tại – với các chủ thể khác nhau nắm giữ những ý tưởng rất khác nhau về cách tổ chức nền kinh tế tài chính. Trước cuộc khủng hoảng, mô hình tài chính của Mỹ đã được chấp nhận rộng rãi như là phương thức phù hợp duy nhất; giờ thì không còn như vậy nữa.

Những con đường khác nhau ở phía trước

Sự thúc đẩy tự do hóa tài chính của Mỹ từ những năm đầu nhiệm kỳ Clinton – cả trong và ngoài nước – là một dự án có mục đích chính trị, được thiết kế để tối đa hóa lợi thế so sánh và nâng cao hơn nữa ưu thế địa chính trị của Mỹ. Tuy nhiên, phong cách thúc đẩy này sẽ khiến các chủ thể trên toàn thế giới phản kháng lại ngay khi có cơ hội – không chỉ ở châu Á, mà còn ở châu Mỹ Latinh, Nga, và các nơi khác. Hoa Kỳ và đồng minh của mình, IMF, không chỉ khuyến khích tự do hóa tài chính mà họ còn khăng khăng vào điều đó. Vào giữa những năm 1990, IMF chuyển sang buộc các nước thành viên phải loại bỏ hoàn toàn sự kiểm soát về vốn của họ (mặc dù thiếu bằng chứng để hỗ trợ điều này như một chính sách kinh tế thích hợp). Về mặt song phương, Hoa Kỳ thậm chí còn tích cực hơn. Ví dụ năm 1995, trong quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại tự do với Chile, đại diện Bộ Tài chính nhấn mạnh rằng việc loại bỏ các kiểm soát dù khiêm tốn, sáng tạo, thân thiện với thị trường của Chile đối với dòng vốn ngắn hạn phải được đưa vào như là một điều kiện của Hiệp định này. Trong năm 1996, khi Hàn Quốc tìm cách trở thành thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Mỹ nhấn mạnh rằng Hàn Quốc cần tăng tốc trong việc bãi bỏ điều tiết tài chính và cho phép các công ty Mỹ tiếp cận nhiều hơn (thị trường tài chính nước này).⁷

IMF cũng đồng ý với tư tưởng tự do hóa tài chính: vào đêm trước của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, IMF đã tuyên bố rằng “thị trường vốn quốc tế dường như đã trở nên linh hoạt hơn và ít có khả năng là nguồn gốc của các rối loạn”.⁸ Tuy nhiên sự thúc đẩy của Mỹ-IMF vào những năm 1990 đã trùng hợp một cách không tình cờ với sự gia tăng của bất ổn tài chính toàn cầu, bao gồm cả cuộc khủng

hoảng tài chính châu Á. Gây ra bởi một cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Thái Lan trong tháng 7 năm 1997, một cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế đã bất ngờ và nhanh chóng lan rộng khắp khu vực, nhấn chìm Philippines, Malaysia, Indonesia, Hong Kong, và đáng kinh ngạc là cả Hàn Quốc, nước công bố trong tháng 11 năm 1997 rằng họ không còn lựa chọn nào khác là phải quay sang IMF để xin một gói cứu trợ hoặc họ sẽ phải đối mặt với tình trạng phá sản quốc gia.

Cuộc khủng hoảng này, và phản ứng của Mỹ-IMF đối với nó, đã phơi bày một đường đứt gãy về tinh thần và chính trị trong các nền tảng của hệ thống Mỹ. Ở châu Á và các nơi khác, cuộc khủng hoảng đã được dễ dàng công nhận là một cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế kinh điển. Nhưng một câu chuyện khác lại thống trị ở IMF, Washington và phố Wall. Ở những nơi này, lời đổ lỗi tập trung vào các nền kinh tế châu Á. Các cách giải thích của IMF thường thiếu cặn, nếu không nói là đáng trí, khi đổ lỗi hoàn toàn cho các chính sách kinh tế trong nước của các quốc gia nơi có nền kinh tế và cách quản lý vĩ mô và được Quỹ khen ngợi. Tương tự, Greenspan đã đổ lỗi hoàn toàn cho “chính sách công kém cỏi” ở các quốc gia bị ảnh hưởng, và Summers cho rằng IMF thậm chí nên “tăng tốc” chứ không phải “làm chậm lại tốc độ tự do hóa tài khoản vốn.”⁹

Phần lớn thế giới không đồng ý với đánh giá này (bao gồm cả đại diện của Nhật Bản và Brazil tại IMF), nhưng mặc dù cuộc vận động để sửa đổi điều lệ IMF bị đình trệ sau khi cuộc khủng hoảng châu Á diễn ra, triết lý cơ bản vẫn tiếp tục giữ sự thống trị tại Quỹ và tại Hoa Kỳ. Trong năm 2003, khi hoàn thành Hiệp định Thương mại tự do với Chile và Singapore, Mỹ đã yêu cầu (bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của các đối tác) các điều khoản trong các hiệp ước thương mại trong đó quy định mỗi quốc gia phải từ bỏ quyền áp dụng bất kỳ một hình thức kiểm soát vốn nào. Điều này liên quan thế nào với thương mại tự do, liệu đó có phải là một chính sách ít nhiều khôn ngoan hay không, và liệu đây có phải là những công cụ mà các quốc gia *không* muốn từ bỏ hay không nhận được rất ít sự quan tâm từ các nhà đàm phán Mỹ.¹⁰

Trong cách nhìn nhận của châu Á và các nơi khác, một thuộc tính quan trọng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-08 là nó đã “dẫm lên gót giày” của cuộc khủng hoảng châu Á 1997-98. Trong khi đó, việc Mỹ (không) phản ứng với cuộc khủng hoảng (các cải cách điều tiết khiêm tốn, đơn giản, gây tranh cãi, cũng như sự vắng mặt của những nỗ lực nhằm ngăn chặn kích thước và mức độ tập trung của lĩnh vực tài chính) cho thấy một niềm tin rằng cuộc khủng hoảng là một phản ứng phụ. Tuy nhiên, phần lớn phần còn lại của thế giới xem cuộc khủng hoảng như một “thời điểm học hỏi” – là bài diễn văn từ biệt sau một quá trình

ngiên cứu lâu dài và khó khăn chứng minh rằng tài chính không được điều tiết là không hiệu quả.

Cuộc khủng hoảng hiện nay do đó đã làm giảm tính chính đáng của văn hóa chủ nghĩa tư bản Mỹ, đặc biệt là khi nó được áp dụng vào tài chính. Điều này sẽ ảnh hưởng đến cả lựa chọn của các quốc gia lẫn chính trị quốc tế. John Ikenberry và Charles Kupchan đã lập luận rằng “xã hội hóa” – tức việc giới lãnh đạo ở các nước thứ yếu tin vào các niềm tin lớn của các cường quốc – là một nguồn ảnh hưởng quan trọng của một quốc gia bá chủ.¹¹ Những năm tới sẽ chứng kiến mặt trái của hiện tượng này – sự xói mòn của khả năng ảnh hưởng đó, khi những quốc gia khác dần chối bỏ những ý tưởng mà họ đã từng chấp nhận hoặc ít nhất từng chịu đựng. Với sự đảo ngược trong tính chính đáng này, sự tiếp tục ở Hoa Kỳ và sự thay đổi ở những nơi khác sẽ tạo nên một “hỗn tạp mới” của các ý tưởng về tài chính. Các quốc gia sẽ thường có những sở nguyện khác nhau về trật tự tài chính toàn cầu, làm giảm ảnh hưởng của Mỹ và làm cho việc hợp tác về quản trị tiền tệ và tài chính rắc rối hơn. Đặc biệt, nhiều quốc gia sẽ tìm kiếm những cách thức để bảo vệ mình khỏi những mối nguy hiểm của tài chính toàn cầu không được điều tiết.

Tư duy mới ở Trung Quốc

Trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, giới lãnh đạo ở Trung Quốc đã lưỡng lự trước tương lai quốc tế hóa của đồng nhân dân tệ (RMB). Nhưng vị trí thống lĩnh của đồng đô la, sự xuất hiện của đồng Euro, và sự mong manh của lĩnh vực tài chính trong nước được bảo trợ của Trung Quốc đã kiềm chế những kỳ vọng về việc đồng nhân dân tệ có thể nhanh chóng chiếm vị trí như là một loại tiền tệ quốc tế quan trọng. Trên thực tế vào đêm trước của cuộc khủng hoảng năm 2008, các nhà quan sát đã đồng ý rằng “Quyền lực của Trung Quốc trong hệ thống tài chính quốc tế, dù đang tăng một cách chắc chắn, không nên được đánh giá quá cao”.¹² Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế kéo dài của Trung Quốc và việc nắm giữ một lượng lớn tài sản đô la bảo đảm rằng ít nhất thì các cuộc thảo luận về vai trò của nước này như một cường quốc tiền tệ tiềm năng sẽ diễn ra. Như một dự án dài hạn, Bắc Kinh có thể hình dung một ngày khi mà đồng nhân dân tệ sẽ là đồng tiền được lựa chọn trong khu vực Đông Á, một triển vọng sẽ giúp nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo chính trị và ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Sau khủng hoảng, thời gian biểu này đã được tăng tốc. Một động lực mới và quan trọng đã xuất hiện, đó là thiết lập một số khoảng cách với đồng đô la, và trình bày một mô hình quản lý kinh

tế trong đó cung cấp một vài giải pháp thay thế cho việc tài chính toàn cầu hoàn toàn không được điều tiết.

Trung Quốc luôn luôn cảnh giác với việc phơi bày (các điểm yếu của) bản thân ra thị trường vốn quốc tế, và hiểu rằng sự kiểm soát (đối với thị trường tài chính) đã giúp nó không bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á cũng như là các hỗn loạn khác kể từ giữa những năm 1990. Từ đầu những năm 2000, Trung Quốc đã bắt tay vào một con đường thận trọng trong đó kết hợp việc tăng giá đồng nhân dân tệ có kiểm soát với việc từ từ tự do hóa tài chính. Nhưng cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã cung cấp một động lực mới để thúc đẩy đồng nhân dân tệ, trong khi quan trọng không kém là thay đổi tầm nhìn về con đường sau cùng. Bằng cách phơi bày những lỗ hổng sâu sắc trong mô hình Mỹ, cuộc khủng hoảng đã gây ra cái gọi là “sự hối hận của người mua” tại Bắc Kinh - Trung Quốc theo đó lấy làm tiếc rằng mô hình phát triển của nó đã gắn quá chặt chẽ với nền kinh tế Mỹ và làm cho nó trở nên liên quan mật thiết với đồng đô la.

Sự hối hận của người mua cũng phản ánh sự vỡ mộng lớn hơn đối với cách mà Washinton đã quản lý đồng đô la và vai trò của nó trong hệ thống tài chính quốc tế nói chung, 2 điều mà các nhà quan sát Trung Quốc chỉ trích ngày càng nhiều. Những đánh giá lại này đã góp phần vào một mong muốn ở Trung Quốc và các nước khác là tìm tránh những bất ổn dự kiến trong tương lai do quản lý yếu kém của Hoa Kỳ, và mong muốn cải cách trật tự kinh tế vĩ mô toàn cầu. Các nhà kinh tế học ở Trung Quốc phản ánh quan điểm được phổ biến rộng rãi trong giới tinh hoa cho rằng “chỉ bằng cách loại bỏ vị trí độc quyền của đồng đô la Mỹ” mới có thể cải cách được hệ thống. Nhiều người coi việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ là cần thiết để cải cách và đa dạng hóa hệ thống tiền tệ quốc tế. Một hệ thống đa tiền tệ sẽ làm giảm ảnh hưởng của đồng đô la, góp phần ổn định hệ thống, tăng cường tiếng nói của Trung Quốc, và cung cấp một số bảo đảm chống lại một cuộc khủng hoảng đô la. Về chính trị cũng vậy: Li Ruogu, Chủ tịch và Giám đốc Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, cho rằng chính sách của Mỹ đã buộc các nước khác phải điều chỉnh “để phù hợp với nhu cầu của đồng đô la Mỹ”.¹³

Vào ngày 23 tháng 3, 2009, Zhou Xiaochuan, Thống đốc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, đã phát biểu về “Cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế”. Trên danh nghĩa một lời kêu gọi cho một vai trò lớn hơn của Quyền rút rồn đặc biệt (SDR - tài sản dự trữ tổng hợp được tạo ra bởi IMF), tuyên bố của vị Thống đốc có thể được hiểu như một sự thách thức đối với đồng đô la. Như những nhà quan sát dày dạn đã lập luận, bài phát biểu phản ánh “quan điểm đồng thuận của Trung Quốc...rằng một kỷ nguyên đa tiền tệ dự trữ đang đến, dù chỉ dần dần, và rằng Trung Quốc có

lợi ích chiến lược khi thúc đẩy một kịch bản như vậy". Những công bố của giới lãnh đạo và học giả Trung Quốc ngày càng minh họa cho quan điểm này.¹⁴

Vẫn còn những rào cản cho sự nổi lên của đồng nhân dân tệ, đặc biệt là mức độ yếu kém và không minh bạch của các ngân hàng Trung Quốc cũng như lĩnh vực tài chính nội địa nói chung, làm tăng nghi ngờ về mức độ sẵn sàng của nhân dân tệ trong việc đảm nhận vai trò của một đồng tiền quốc tế chủ yếu.¹⁵ Tuy nhiên, sau cuộc khủng hoảng, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã quyết định đẩy mạnh tốc độ quốc tế hóa đồng nhân dân tệ, thúc đẩy hợp tác tiền tệ trong khu vực, và khuyến khích cải cách việc quản lý tiền tệ toàn cầu.¹⁶ Đáng chú ý, có cả sự gia tăng về phía cung, sự sẵn sàng của Trung Quốc để đồng nhân dân tệ được triển khai trong một vai trò quốc tế lớn hơn, và đồng thời là sự gia tăng nhu cầu rõ rệt, một mong muốn của các quốc gia nhằm tìm cách để giao dịch kinh doanh mà không bị ràng buộc họ chặt chẽ với (hoặc ít nhất cung cấp một vài sự đa dạng nhằm thoát khỏi) đồng đô la, mô hình tài chính Mỹ, và nền kinh tế Mỹ.¹⁷

Để thúc đẩy việc sử dụng đồng nhân dân tệ, Trung Quốc đã ký các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương. Các thỏa thuận này cho phép Trung Quốc và các đối tác thương mại của mình giải quyết các tài khoản giao dịch mà không cần đổi qua đô la. Các đối tác thương mại của Trung Quốc, phải nói là rất nhiều, chào đón các thỏa thuận này – Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là nhà nhập khẩu lớn thứ 2 thế giới và là đối tác thương mại quan trọng nhất đối với số lượng ngày càng tăng các nền kinh tế lớn, những quốc gia chia sẻ hầu hết nếu không muốn nói là toàn bộ động cơ của Trung Quốc trong việc đa dạng tiền tệ nhằm thoát ra khỏi đồng đô la.¹⁸

Trong năm 2011, hơn 9% trong tổng thương mại của Trung Quốc đã được giải quyết bằng đồng nhân dân tệ, tăng gần 1% so với năm trước. Ngoài việc mở rộng danh sách các thỏa thuận hoán đổi, và sự gia tăng (dù còn rất khiêm tốn) việc sử dụng quốc tế của đồng nhân dân tệ trong các kho dự trữ ngoại hối của một số quốc gia, Trung Quốc còn lợi dụng vị thế đặc biệt của Hồng Kông, cho phép một số ngân hàng địa phương ở đó (và cả những ngân hàng Trung Quốc có trụ sở tại Hồng Kông) phát hành trái phiếu định danh bằng đồng nhân dân tệ. Tóm lại, những hành động của cả Trung Quốc và các đối tác kinh tế của nó cho thấy việc chuẩn bị một bộ máy nhằm hỗ trợ cho sự nổi lên của đồng nhân dân tệ như là một đồng tiền chủ chốt ở châu Á.¹⁹

Xâm phạm vai trò của đồng đô la

Chúng ta nên nhớ rằng không chỉ đồng nhân dân tệ sẽ xâm phạm vai trò của đồng đô la, cũng không phải chỉ các quốc gia ở châu Á mới có mục đích tìm cách rời xa sự bất ổn tài chính tiềm tàng của Mỹ. Châu Âu chắc chắn là bị yếu đi, nhưng không phải hoàn toàn mất vai trò, và về lâu dài đồng Euro – có thể với sự hỗ trợ ngầm của Trung Quốc – sẽ tiếp tục xâm lấn vai trò quốc tế của đồng đô la. Những khó khăn của riêng châu Âu chắc chắn đã phơi bày sự yếu kém của đồng Euro trong vị thế là một đối thủ cạnh tranh ngang hàng tiềm năng của đồng đô la, một vị thế mà dường như đồng tiền này đã đạt được trước khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu phơi bày những vấn đề riêng của nó. Ở một mức độ đáng kể, cuộc khủng hoảng của châu Âu đã giúp giải cứu một đồng đô la yếu kém, một lần nữa lại là lựa chọn áp đảo trên thị trường.

Nhưng những nhà quan sát đồng đô la nên lưu ý 3 yếu tố gây rắc rối đó là: thứ nhất, nền kinh tế của Mỹ và EU gắn bó sâu sắc với nhau - sự vật lộn của châu Âu là có hại cho nền kinh tế Mỹ, tức là có hại cho đồng đô la. Thứ hai, nếu cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu tồi tệ hơn, thì khả năng các tổ chức tài chính Mỹ bị ảnh hưởng không nên bị đánh giá thấp. Thứ ba, cuộc khủng hoảng này sẽ gần như chắc chắn buộc đồng Euro rơi vào một “giải pháp đường cùng” – tiến hoặc lùi – và trong cả hai trường hợp, đồng Euro có thể sẽ lại nổi lên như là một chủ thể thậm chí còn mạnh hơn trên thị trường thế giới. Một lần nữa, theo một nghĩa tương đối, điều này có thể xảy ra với những tác động tiêu cực lên đồng đô la.

Những hậu quả địa chính trị của việc đồng đô la suy yếu tương đối

Việc gì sẽ xảy ra nếu vai trò quốc tế của đồng đô la phải chịu áp lực? Có hai loại thách thức riêng biệt mà các quốc gia phải đối mặt khi quản lý những đồng tiền quốc tế đang bị suy giảm tương đối: (1) sự mất mát lợi ích gắn liền với việc phát hành tiền tệ quốc tế, và (2) những khó khăn liên quan đến việc giám sát một loại tiền tệ đang ngày càng ít được sử dụng trên toàn cầu.²⁰ Trên thực tế, hậu quả chính của việc suy giảm tiền tệ quốc tế bao gồm áp lực lên ngân sách quốc phòng, giảm quyền tự chủ kinh tế vĩ mô (và do đó làm giảm khả năng tài trợ cho những chính sách đối ngoại đầy tham vọng), dễ bị thao túng tiền tệ, và dễ bị ảnh hưởng bởi những cuộc khủng hoảng tài chính gây suy yếu, đặc biệt trong thời gian diễn ra các cuộc khủng hoảng chính trị quốc tế. Trong chính trị đương đại, những khó khăn này có thể sẽ bị làm trầm trọng hơn bởi sự gia tăng bất đồng ý kiến và tranh luận giữa các quốc gia về khía cạnh chính trị của các mối quan hệ tiền tệ quốc tế và quản trị tài chính toàn cầu.

Làm xói mòn quyền lực toàn cầu

Các đặc quyền chính trong việc phát hành một đồng tiền quốc tế “chủ chốt” đó là (1) sự chủ động và linh hoạt trong cán cân thanh toán và (2) Quyền lực cấu trúc. Về vế (1), Hoa Kỳ thường chưa đánh giá đúng mực vai trò của đồng đô la trong việc cho phép Washington rũ bỏ những gánh nặng (thường tốn kém) của việc điều chỉnh kinh tế vĩ mô, và cơ bản đổ chúng lên đầu những người khác.²¹ (Ví dụ, trong năm 1971, khi áp lực lên đồng đô la có thể đã dẫn đến các biện pháp giảm phát gây đau đớn ở trong nước, Mỹ thay vào đó đã thay đổi các quy tắc của trò chơi, kết thúc hệ thống Bretton Woods và buộc các nước khác phải điều chỉnh chính sách của mình). Hoa Kỳ cũng đã có thể duy trì thâm hụt trên các tài khoản quốc tế mà các quốc gia khác không thể, và áp dụng các chính sách kinh tế mà nếu được thử nghiệm ở nơi khác thì có thể bị hứng chịu các phản ứng “trừng phạt” từ các thị trường tài chính quốc tế. Sự xói mòn của những đặc quyền này sẽ hạn chế quyền lực và quyền tự chủ của Mỹ, và việc chống lại những gánh nặng của việc điều chỉnh – chuyện thông thường của chính trị tiền tệ quốc tế - sẽ trở thành một đặc điểm phổ biến và nổi bật hơn của chính sách đối ngoại Mỹ.

Hệ thống quốc tế lấy đồng đô la làm trung tâm cũng đã mang lại cho Hoa Kỳ thứ quyền lực cấu trúc. Quyền lực cấu trúc không dễ dàng đo lường được, và cũng không mang tính “cưỡng chế” một cách rõ ràng, nhưng nó phản ánh, theo lời của học giả quan hệ quốc tế Susan Strange, “quyền lực trong việc quyết định việc mọi chuyện được thực hiện như thế nào, quyền lực để định hình khuôn khổ mà qua đó các quốc gia quan hệ với nhau”.²² Quyền lực cấu trúc cũng ảnh hưởng đến mẫu hình các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia và những tính toán của họ về lợi ích chính trị. Các quốc gia sử dụng đồng đô la (và đặc biệt là những quốc gia giữ dự trữ bằng đồng đô la) ngày càng mong muốn giữ được giá trị và sự ổn định của đồng tiền này. Một khi sử dụng rộng rãi, số phận của đồng đô la sẽ trở thành vấn đề không chỉ của Mỹ - nó sẽ trở thành vấn đề của tất cả các chủ sở hữu đồng đô la.

Một sự suy giảm tương đối trong vai trò quốc tế của đồng đô la do đó sẽ làm suy giảm cả quyền lực “cứng” và “mềm” mà Hoa Kỳ trước đây tận hưởng – Quyền lực cưỡng chế của Mỹ được tăng cường bởi sự tự chủ lớn hơn cũng như thứ quyền lực cấu trúc vốn mặc nhiên định hình mong muốn của các nước khác. Nó cũng thể hiện những thách thức và khó khăn mới.

Những thách thức của sự suy giảm tương đối: Uy tín và sự tồn đọng

Khi suy giảm đô la diễn ra, Hoa Kỳ sẽ phải đối mặt với những gánh nặng cộng thêm về những chi phí liên quan đến việc quản lý một đồng tiền đang suy giảm tương đối. Đối với những người phát hành đồng tiền vốn từng thống trị quốc tế, những khó khăn mới này phát sinh từ những gì có thể được gọi là vấn đề “tồn đọng” (“overhang” problem), và từ sự mất mát uy tín.

Vấn đề tồn đọng phát sinh do hậu quả của sự vĩ đại một thời của chính đồng tiền. Ở đỉnh cao hấp dẫn của nó, rất nhiều chủ thể háo hức nắm giữ tiền đồng tiền quốc tế này – các chính phủ dùng nó để dự trữ, và các chủ thể tư nhân thì giữ nó như một nơi cất giữ giá trị (và thường là một phương tiện trao đổi nữa). Nhưng một khi đồng tiền chủ chốt bị coi là suy giảm, nó trở nên đáng ngờ, và các chủ thể này, theo thời gian, sẽ tìm cách thoát ra để đổi nó lấy một vài tài sản khác. Sự cần thiết phải “thu dọn” toàn bộ số tiền tệ dư thừa này tạo ra áp lực tiền tệ kinh niên lên đồng tiền vĩ đại một thời, và chính sách kinh tế vĩ mô sẽ diễn ra dưới cái bóng của quá khứ dư thừa đó.²³

Mất uy tín cũng là một hậu quả quan trọng của việc quản lý đồng tiền đang suy giảm. Uy tín là một khái niệm rất khó nắm bắt, nhưng trong phân tích tiền tệ nó được gọi là “mức độ khả tín” (credibility), vốn thường được công nhận là đóng một vai trò quan trọng trong các giao dịch tiền tệ (dù ngay cả khái niệm khả tín cũng không dễ đo lường). Danh tiếng tuyệt vời và sự khả tín mạnh mẽ của đồng tiền chủ chốt trong những ngày vinh quang của nó là một nguồn quan trọng của quyền lực mà nó mang lại. Sự sẵn sàng của thị trường trong việc ngầm chịu đựng sự mất cân bằng trong các tài khoản và các chính sách kinh tế vĩ mô phi lý vốn sẽ không được dung thứ ở các quốc gia khác dựa trên những cơ sở này.

Việc mất uy tín và giảm mức độ khả tín (những điều mà vấn đề tồn đọng nói trên làm trầm trọng thêm) áp đặt những chi phí mới lên người phát hành đồng tiền đang suy giảm tương đối. Trong khi trong quá khứ, nước có đồng tiền chủ chốt được miễn trừ các quy tắc của trò chơi - nghĩa là được tự do hành động nhiều hơn trên thị trường tài chính quốc tế so với các quốc gia khác – thì nay điều ngược lại trở thành sự thật. Với uy tín bị xói mòn và những kỳ vọng chung về suy thoái tiền tệ, thị trường nâng cao cảnh giác và sự trừng phạt được áp đặt nhanh chóng hơn bởi những kỳ vọng chung của các tác nhân thị trường hoài nghi hơn. Một giả định tự tin đã được thay thế bằng một đánh giá bất lợi hơn dù các chỉ số là như nhau, và sợi dây xích dài được thay thế bằng một vòng cổ thít chặt.

Một số vấn đề này có thể được minh họa bằng so sánh lịch sử. Kinh nghiệm của đồng bảng Anh trong những thập kỷ sau Thế Chiến II cung cấp một minh

chúng về những thách thức mà một loại tiền tệ quốc tế đang chịu áp lực phải đổi mới. Trong thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, đồng bảng Anh đã đóng vai trò một đồng tiền quốc tế, và việc đồng bảng Anh là đồng tiền chủ chốt đã tăng cường quyền lực của Anh. Nhưng cuối cùng, việc quản lý một đồng bảng Anh đang suy giảm đã trở thành một vấn đề khó khăn của chính quyền Anh, làm phức tạp hóa sự quản lý kinh tế và làm trầm trọng thêm các cuộc khủng hoảng tài chính kinh niên của nó trong những năm 1960. Cuộc khủng hoảng Suez năm 1956 thực sự cho thấy những hạn chế của sự yếu kém tài chính: Anh và Pháp xâm lược Ai Cập để chiếm kênh đào Suez (và hy vọng có thể lật đổ Tổng thống Gamel Abdel Nasser), nhưng Anh đã buộc phải bỏ cuộc. Việc bán tháo đồng bảng Anh trở nên áp đảo, và nước Anh không có đủ dự trữ để tự bảo vệ đồng bảng Anh. Để đổi lấy hỗ trợ từ Hoa Kỳ và IMF, Anh đã đồng ý ngừng bắn ngay lập tức và nhanh chóng rút quân khỏi khu vực kênh đào Suez.²⁴ Suez là một điểm nóng, nhưng cuộc khủng hoảng này cũng nhấn mạnh một sự hạn chế kinh tế mới và cơ bản đối với việc thực thi quyền lực của Anh. Đồng tiền dễ bị tổn thương và gây hoài nghi của Anh đã thường xuyên bị tác động bởi các cuộc khủng hoảng trong những năm 1960, mà mỗi lần đều yêu cầu phải cắt giảm chi tiêu để củng cố niềm tin vào nền kinh tế, và những cắt giảm này gây ảnh hưởng không thể tránh được đối với quân sự. Cắt giảm quốc phòng do khủng hoảng những năm 1966 và 1967 cuối cùng đã buộc nước này phải miễn cưỡng từ bỏ vai trò quân sự của mình ở phía “Đông Suez”. Điều này dẫn tới việc rút quân theo từng giai đoạn ra khỏi Singapore, Malaysia, và Vịnh Ba Tư. Sự phá giá đồng tiền (trong tháng 11 năm 1967) cũng như việc chuyển đổi sang tỷ giá hối đoái thả nổi trong những năm 1970 đều không chấm dứt được những áp lực kinh niên này. Năm 1976, một cuộc khủng hoảng tài chính đã buộc Anh phải tìm kiếm sự giúp đỡ từ IMF. IMF đã nhấn mạnh việc phải tiếp tục cắt giảm chi tiêu trong nước – tất nhiên là bao gồm chi tiêu quốc phòng – điều vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của các lực lượng vũ trang.

Ở đây tất nhiên có sự khác biệt cơ bản giữa đồng bảng Anh sau chiến tranh và đồng đô la hiện tại. Nhưng là trường hợp cực đoan hơn, kinh nghiệm của Anh giúp vạch ra và làm rõ các cơ chế mà qua đó việc suy giảm tiền tệ có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia như thế nào. Những chính sách thắt lưng buộc bụng sẽ không bỏ qua cho ngân sách quân sự, đặc biệt là trong thời bình và nếu những ngân sách này quá lớn. Nói chung, một đồng tiền suy giảm phải đối mặt với sự giám sát kỹ lưỡng và hoài nghi hơn của thị trường, đặc biệt là trong những thời gian khủng hoảng quốc tế và chiến tranh. Thị trường có xu hướng phản ứng tiêu cực với những triển vọng của đồng tiền một quốc gia khi quốc gia này bước vào khủng hoảng và chiến tranh, dự đoán triển vọng tăng chi tiêu chính phủ, vay, lạm

phát, và tự bảo vệ chống lại sự bất ổn chung.²⁵ Theo nghĩa đó, sự so sánh với khủng hoảng Suez không phải là không phù hợp. Đây cũng không phải là một sự cố cá biệt mà những đồng tiền yếu gây ra cho các quốc gia nhút nhát.

Tiền đề này cũng được minh họa bởi những kinh nghiệm của Pháp thời kỳ giữa hai cuộc thế chiến, một trường hợp mang lại một điều gì đó như là một phòng thí nghiệm về hậu quả đối với an ninh quốc gia của sự suy yếu tiền tệ. Trong trường hợp này, đồng franc đã phải chịu áp lực mà mặt nào đó là “một cách tự nguyện” – đó là do tình hình chính trị trong nước của Pháp đã áp đặt một sự ám ảnh quá mức nhằm “bảo vệ đồng franc”, mang lại những chính sách tiền tệ gây giảm phát và tạo áp lực liên tục dẫn tới việc cắt giảm ngân sách, với những hậu quả không thể tránh khỏi cho chi tiêu quốc phòng.²⁶ Từ 1930 đến 1933, Pháp đã cắt giảm 25% chi tiêu quốc phòng. Mức chi tiêu quốc phòng của năm 1930 sẽ không thể đạt được một lần nữa cho đến năm 1937. Trong khoảng thời gian 1933-1938, chi tiêu quốc phòng của Đức gấp 3 lần của Pháp, và cũng trong thời gian này, chi tiêu quân sự thực tế của Đức tăng 470%; trong khi ở Pháp chỉ là 41%. Áp lực đối với đồng franc thường xuyên mang lại những động lực chính cho những chu trình giảm phát và cắt giảm ngân sách mới, và các chương trình vũ khí mới và các nỗ lực hiện đại hóa quân đội thường xuyên là nơi đầu tiên và dễ dàng nhất để cắt giảm ngân sách quốc phòng.²⁷

Một cam kết nhằm duy trì khả năng chuyển đổi của đồng franc sang vàng ở mức được thiết lập năm 1928 đã hạn chế chính sách đối ngoại của Pháp thậm chí còn hơn cả các cắt giảm ngân sách. Năm 1933, Ngân hàng Trung ương Pháp giải thích rằng nó đã “quyết tâm không chấp nhận bất kỳ giải pháp nào nữa nếu nó có thể gây nguy hiểm cho sự ổn định của đồng franc”. Điều này góp phần vào phản ứng chậm chạp của Pháp đối với việc tái vũ trang của Đức, điều đã được hiểu rõ ở Pháp cho tới cuối năm 1932. Mối đe dọa thường trực rằng một cuộc khủng hoảng tài chính sẽ buộc đồng franc tách rời khỏi vàng đã làm tê liệt các nhà lãnh đạo Pháp và góp phần vào định hướng hòa giải trong chính sách đối ngoại của Pháp. Tuân thủ lập trường chính thống ở Pháp sẽ đòi hỏi nếu không phải chính sách xoa dịu thì cũng phải là một thứ gì đó gần giống như vậy. Phản ứng thụ động của Pháp trong thời kỳ giữa những năm 1930 dẫn đến nhiều hành động khiêu khích của Đức, khi các mối đe dọa nguồn vốn rời khỏi nước Pháp đã củng cố các chính sách xoa dịu. Điều này được thấy rõ nhất vào tháng 3 năm 1936, khi Đức vi phạm hiệp ước Versailles, tái vũ trang vùng Rhineland. Bất kỳ phản ứng nào của Pháp, chẳng hạn như việc động viên lực lượng vũ trang, sẽ làm cho đồng franc chịu áp lực đáng kể từ thị trường. Một học giả nghiên cứu cuộc khủng hoảng quan sát thấy rằng “Hitler và phần còn lại của thế giới đã biết” rằng chính phủ Pháp sẽ “trên tất cả...không

làm gì gây nguy hiểm cho đồng franc”. Việc động viên lực lượng sẽ ngay lập tức dẫn đến một “cuộc khủng hoảng tiền tệ toàn diện” và sẽ “làm phơi bày tình trạng gần như phá sản của kho bạc Pháp và lật đổ đồng franc”. Tính nhạy cảm trước các yếu kém tài chính đã đảm bảo việc Pháp không dám hành động.²⁸

Hoa Kỳ thế kỷ 21 không phải là Anh sau chiến tranh, cũng không phải là Pháp giữa hai cuộc thế chiến. Nhưng những kinh nghiệm của các quốc gia này đã cung cấp những hiểu biết quan trọng về các loại thách thức mà một quốc gia phải đối mặt khi cố gắng leo lái đại chiến lược của mình trong khi phải chăm sóc một đồng tiền đáng ngờ. Giảm quyền tự chủ, xói mòn quyền lực cấu trúc, mất uy tín, và vấn đề tồn đọng đồng tiền ngày một tăng, tất cả đều chỉ ra một bối cảnh kinh tế vĩ mô chung khó khăn đối với quyền lực của Mỹ trong những năm tới.

Những lỗ hổng mới

Đồng đô la được mở rộng quá mức cũng có thể tạo ra những lỗ hổng khiến Hoa Kỳ bị ép buộc kinh tế bởi các quốc gia khác. Có một mối đe dọa thực sự ở đây, mặc dù ít nguy hiểm hơn khả năng Trung Quốc có thể đe dọa bán tháo lượng đô la khổng lồ mà nó nắm giữ như là một hành động ép buộc chính trị chống lại Hoa Kỳ. Khả năng này bị giới hạn nghiêm ngặt bởi thực tế rằng Trung Quốc không có lợi gì khi làm việc này, và do vậy nó là một mối đe dọa gần như trống rỗng.²⁹ Trung Quốc hiện có, như tôi đã lập luận ở trên, “sự hối hận của người mua” liên quan đến lượng nắm giữ số đô la khổng lồ. Nhưng Trung Quốc không tích lũy các tài sản đô la này như một hành động tử thiện, và hiện đang thấy mình là một đối tượng chủ chốt có lợi ích liên quan đến tương lai của đồng đô la và sức khỏe của nền kinh tế Mỹ.

Trung Quốc sẽ là kẻ thất bại lớn trong cuộc đối đầu làm suy yếu đồng đô la Mỹ cũng như nhu cầu tiêu dùng tại Mỹ. Mặc dù có kỷ lục tăng trưởng kinh tế nổi bật, nền kinh tế Trung Quốc có những điểm yếu hữu hình. Sự giảm giá mạnh đồng đô la sẽ là một đòn giáng mạnh vào nền kinh tế, sự sụp đổ của đồng đô la do đó làm giảm nhu cầu của Mỹ đối với hàng hóa nhập khẩu sẽ là một thảm họa. Do vậy, Trung Quốc có thể bán tháo số đô la của mình, nhưng điều này sẽ tương đương với một quả bom hạt nhân (về kinh tế). Có thể tưởng tượng kịch bản, đặc biệt là liên quan đến cuộc đối đầu về Đài Loan, nơi Trung Quốc có thể thử và tham gia vào chiến lược “bên miệng hố chiến tranh đô la” hoặc thậm chí bóp cò khẩu súng tiền tệ, nhưng nếu không có trường hợp đó, lợi ích tự thân của Trung Quốc đối với đồng đô la sẽ cắt giảm những lợi thế chính trị tiềm tàng của một nước cờ như vậy.

Tuy nhiên điều này không làm cho đồng đô la an toàn hơn. Trung Quốc có một đòn bẩy tinh tế hơn của quyền lực tiền tệ mà nó tùy ý sử dụng – nó có khả năng điều chỉnh tốc độ mua tài sản đô la, cũng như khả năng điều khiển thời gian và sự công khai đối với việc tái cân bằng danh mục dự trữ của nó (một nỗ lực đã được tiến hành). Kênh ảnh hưởng này còn hơn cả những mối đe dọa phá giá. Một Trung Quốc tự tin hơn hay bất mãn hơn có thể sử dụng mảnh quyền lực tiền tệ tinh tế này để có được sự chú ý của Hoa Kỳ trong thời gian diễn ra xung đột chính trị.

Mặc dù xin nhắc lại hoàn cảnh là rất khác nhau, nhưng khả năng này là tương tự với mối quan hệ tiền tệ Pháp-Anh trong cuối những năm 1920 và đầu những năm 1930. Trong thời gian đó, hệ thống tiền tệ quốc tế cho phép Pháp rút vàng khỏi Anh theo ý thích. Pháp sử dụng quyền lực này một cách chủ động để thử và gây áp lực với Anh bất cứ khi nào hai nước không thống nhất về các vấn đề chính trị quốc tế quan trọng. Nếu mối quan hệ Trung-Mỹ xấu đi bởi các vấn đề kinh tế hay chính trị quốc tế, có khả năng sự ổn định kinh tế vĩ mô của Mỹ sẽ bị xáo động do Trung Quốc xáo trộn các con bài đô la của mình cho dù không bẻ gãy chúng. Một lần nữa cho dù hoàn cảnh khác nhau nhưng các bài học này là phù hợp và đáng báo động. Pháp đã không ngần ngại sử dụng quyền lực tiền tệ (và sẽ là ngây thơ khi cho rằng Trung Quốc sẽ tránh thực thi điều này). Những nỗ lực của Pháp trong ngoại giao tiền tệ cuối cùng đã phản tác dụng, và góp phần vào sự sụp đổ của hệ thống tài chính quốc tế và cuộc Đại suy thoái – một lời nhắc nhở rằng mặc dù Trung Quốc có mọi động cơ để tránh phá hoại nền kinh tế thế giới, nhưng ý định thôi không phải lúc nào cũng đủ để ngăn chặn những sai lầm tốn kém.

Tính không đồng nhất mới ở nước ngoài: Tê liệt ở trong nước?

Trước cuộc khủng hoảng tài chính 2007-08, xu hướng trong và ngoài nước cho thấy những hạn chế kinh tế vĩ mô mới đối với quyền lực Mỹ. Nếu những yếu tố nền tảng này tiếp tục, cuộc khủng hoảng đã đẩy nhanh những xu hướng nền tảng này và khiến Hoa Kỳ dễ bị tổn thương hơn trước khả năng rằng các yếu tố kinh tế vĩ mô sẽ kiểm chế, chứ không phải là nâng cao, năng lực của Hoa Kỳ trên sân khấu thế giới – một sự đảo ngược những gì đã xảy ra trong suốt 70 năm qua.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã mang lại (giống như cuộc Đại suy thoái và lạm phát những năm 1970) một “khoảnh khắc học hỏi” trong chính trị thế giới, nhưng phần lớn việc học hỏi này đang diễn ra *bên ngoài* nước Mỹ. Bài học này là tài chính hoàn toàn không được điều tiết là nguy hiểm, và không hiệu quả, và rằng mô hình Mỹ là tai tiếng. Sự xuất hiện của tính không đồng nhất mới trong cách suy nghĩ về tiền bạc và tài chính sẽ đánh dấu sự chấm dứt của Trật tự hậu

chiến lần thứ hai của Mỹ. Các quốc gia sẽ tăng nhu cầu đối với quyền tự chủ và cách ly khỏi sự bất ổn tài chính toàn cầu, và do sự thay đổi về ý thức và sự tăng tốc của các xu hướng vật chất nền tảng, quyền lực và ảnh hưởng của Mỹ sẽ bị giảm tương đối trong môi trường mới này.

Ngoài việc thay đổi cán cân quyền lực và ảnh hưởng chính trị, những bước phát triển này cũng góp phần vào tranh cãi kinh tế vĩ mô gay gắt và kinh niên giữa các quốc gia, theo đó sẽ tăng thêm áp lực lên quản lý đồng đô la. Nhìn chung, vấn đề cơ bản là hợp tác tiền tệ luôn khó khăn một cách cố hữu. Hoạt động tự nhiên của nền kinh tế quốc tế thường xuyên tạo ra áp lực lên các quốc gia buộc họ phải có những phản ứng chính sách gây ảnh hưởng đến lãi suất, tỷ giá hối đoái, và chi tiêu chính phủ, liên quan đến những chi phí khá lớn và không được chào đón về mặt chính trị. Không có gì ngạc nhiên khi các quốc gia luôn tìm cách chuyển gánh nặng của những điều chỉnh này ra nước ngoài. (Phần lớn cuộc khủng hoảng hiện nay của châu Âu là một trận chiến nhằm tìm cách phân phối những gánh nặng của điều chỉnh kinh tế vĩ mô).

Thông thường, phải có sự giao nhau của các nhân tố đặc biệt để hợp tác tiền tệ được duy trì, mỗi trong số đó giúp giảm thiểu chi phí của những gánh nặng này. Tập trung quyền lực tiền tệ có thể giúp tạo thuận lợi cho việc hợp tác, bởi vì một quốc gia bá chủ có thể chia sẻ một phần chi phí của điều chỉnh, hoặc nó có thể giám sát, kiểm soát, và thực thi các thỏa thuận về bản chất của điều chỉnh. Tính đồng nhất về ý thức hệ cũng có thể tạo thuận lợi cho việc hợp tác bằng cách đưa ra một chiếc áo choàng của tính hợp pháp kinh tế cho các khó khăn kinh tế gây nên bởi điều chỉnh. Và các mối quan tâm an ninh quan trọng và được chia sẻ có thể làm tăng sự tự nguyện của các đối tác trong việc chịu chi phí điều chỉnh, bởi vì họ quan tâm nhiều hơn về tình hình an ninh.

Xin lưu ý rằng trong nền chính trị quốc tế đương đại, tất cả những biến số này đang dịch chuyển "sai" hướng. Quyền lực tương đối của Mỹ (và quyền lực tiền tệ) đang trong đà suy giảm tương đối. Có một sự không đồng nhất mới trong các ý tưởng về tiền bạc và tài chính. Và những lợi ích an ninh của các nhân vật chủ chốt trên bàn đàm phán tiền tệ chưa bao giờ bất đồng (nếu không muốn nói là đối lập nhau) như thế này trong hơn một thế kỷ qua. Thay đổi cuối cùng này là đặc biệt rõ rệt. Mọi nỗ lực lớn nhằm khôi phục lại trật tự tiền tệ quốc tế trong nửa cuối thế kỷ 20 đã được thực hiện bởi Hoa Kỳ và các đồng minh chính trị và các nước phụ thuộc về quân sự. Giờ thì không như vậy nữa. Hoa Kỳ sẽ cảm thấy khó khăn trong việc rũ bỏ gánh nặng điều chỉnh kinh tế vĩ mô (mà chắc chắn sẽ xuất hiện) sang cho

những người khác. Điều này sẽ làm trầm trọng thêm sự nhạy cảm mới của Mỹ với các ràng buộc từ bên ngoài.

Từ khóa ở đây là *mới*. Không chỉ là Mỹ rất có thể sẽ phải đối mặt với những ràng buộc từ bên ngoài – những áp lực điều chỉnh, những lỗ hổng kinh tế vĩ mô mới, sự nguy hiểm của khủng hoảng tài chính – mà những áp lực này là không quen thuộc đối với hệ thống chính trị Mỹ. Hệ thống đó đã đang bị căng thẳng đáng kể, đang phải giải quyết (hoặc không giải quyết được) những vấn đề kinh tế lớn trong nước, đầu tiên là nhu cầu đưa vấn đề tài khóa vào trật tự. Với sợi dây của chủ nghĩa đơn phương và cô lập được dệt lên trong suốt lịch sử Hoa Kỳ, rất có thể nền chính trị trong nước sẽ thực sự phóng đại ảnh hưởng “thật” của những áp lực mới này, và cho thấy một gót chân A-sin của quyền lực Mỹ.

Chú thích

1. Được giải thích thêm trong Jonathan Kirshner, *American Power After the Financial Crisis* (Ithaca: Cornell University Press, sắp xuất bản).
2. Văn phòng giải trình chính phủ Mỹ, “Financial Derivatives: Actions Needed to Protect the Financial System”, GAO/GGD-94-133, tháng 5 năm 1994, trang 11,14-15,39,124,126-7, www.gao.gov/assets/160/154342.pdf; Alan Greenspan, “The Regulation of OTC Derivatives”, điều trần trước Ủy ban về Ngân hàng và dịch vụ tài chính, 24 tháng 7 năm 1998, www.federalreserve.gov/boarddocs/testimony/1998/19980724.htm; Alan Greenspan, *The Age of Turbulence* (New York: Penguin Press, 2007): trang 373-4.
3. Simon Johnson và James Kwak, *13 Bankers: The Wall Street Takeover and the Next Financial Meltdown* (New York, Pantheon, 2010), trang 89,91.
4. Greta R. Krippner, *Capitalizing on Crisis: The Political Origins of the Rise of Finance*, (Cambridge: Harvard University Press, 2011): trang 28, 29, 30, 51; Simon Johnson và James Kwak, *13 Bankers*.
5. Xem Carmen Reinhart và Kenneth Rogoff, *This Time is Different: Eight Centuries of Financial Folly*, (Princeton: Princeton University Press, 2009).
6. Như trên, trang 155.
7. Nicholas D. Kristof và David Sanger, “How U.S. Wooed Asia to Let Cash Flow In”, *The New York Times*, 16/2/1999, <http://www.nytimes.com/1999/02/16/world/how-us-wooded-asia-to-let-cash-flow-in.html?pagewanted=all&src=pm>.
8. “International Capital Markets Charting a Steadier Course”, Khảo sát của IMF, 23/9/1996, <http://www.imf.org/external/pubs/ft/survey/pdf/092396a.pdf>.
9. Alan Greenspan, “The Current Asian Crisis”, điều trần trước Thượng viện Ủy ban phân bổ, 3/3/1998, Bộ Tài chính Mỹ, “Deputy Secretary Summers Remarks Before the International Monetary Fund”, thông cáo báo chí, 9/3/1998.

10. Sidney Weintraub, "Lessons from the Chile and Singapore Free Trade Agreements", trong Jeffrey Schott, ed., *Free Trade Agreements: U.S. Strategies and Priorities*, (Washington: Viện Kinh tế Quốc tế, 2004), trang 87.
11. G. John Ikenberry and Charles Kupchan, "Socialization and Hegemonic Power", *International Organization* 44, số 3 (tháng 6 năm 1990): 283-315.
12. Carl E. Walter và Fraser J. T. Howie, *Red Capitalism: The Fragile Foundation of China's Extraordinary Rise*, (Singapore: Wiley, 2011): trang ix-x, 3; Rosemary Foot and Andrew Walter, *China, The United States, and Global Order*, (Cambridge: Cambridge University Press, 2011): trang 117, 120, 123, 265-270; Gregory Chin và Eric Helleiner, "China as a Creditor: A Rising Financial Power?" *Journal of International Affairs* 62, số 1 (Thu đông 2008): trang 87 (trích dẫn), 92, 97-8, 99.
13. Li Ruogu, "The Financial Crisis and *International Monetary System Reform*", *China Finance* 5, (2010); Li Daokui và Yin Xingzhong, "New Structure of the International Monetary System: *Research on the Post-Financial Crisis Era*", *Journal of Financial Research* 2, (2010).
14. Zhou Xiaochuan, "Reform of the International Monetary System", Ngân hàng nhân dân Trung Quốc, 23/3/2009; David Barboza, "China Urges New Money Reserve to Replace Dollar", Thời báo New York, 24/3/2009, http://www.nytimes.com/2009/03/24/world/asia/24china.html?_r /0; Gregory Chin và Wang Yong "Debating the International Currency System: What's in a Speech?" *An ninh Trung Quốc* 6, số 1 (2010): trang 4, 5, 11, 12, trang 14 (trích dẫn); Zhang Yuyan, "Internationalization of the RMB: Endorse or Oppose", *International Economic Review* 1, (2010); Zhang Ming, "Reform of the International Monetary System"; Zhang Yuyan và Zhang Jingchun, "International Currency's Costs and Benefits," *World Affairs* 21, (2008).
15. Sebastian Mallaby và Olin Wethington, "The Future of the Yuan: China's Struggle to Internationalize Its Currency," *Foreign Affairs* 91, số 1 (tháng 1/ tháng 2 năm 2012): trang 136, 137; Jeffrey Frankel, "Historical Precedents for Internationalization of the RMB," (Hội đồng Quan hệ Đối ngoại, tháng 11 năm 2011): trang 13.
16. Ming Zhang, "China's New International Financial Strategy amid the Global Financial Crisis," *China & World Economy* 17, số 5 (2009): trang 23, 24, 27, 29, 31; Pieter Bottelier, "Future of the Renminbi as an International Currency," ChinaUsfocus.com, 29/4/2011, <http://www.chinausfocus.com/finance-economy/future-of-the-renminbi-as-an-international-currency/>.
17. Chen Siqing, "Deeper-level Analysis of the Reasons for the U.S. Financial Crisis and Its Lessons for China's Banking Industry," *Studies of International Finance* 12, (2008); Nancy Birdsall và Francis Fukuyama, "The Post-Washington Consensus: Development After the Crisis", *Foreign Affairs* 90, số 2 (Tháng 3/4 năm 2011): trang 3.

18. Edward Wong and Natasha Singer, "Currency Agreement for Japan and China", *The New York Times*, 27/12/2011, <http://www.nytimes.com/2011/12/27/business/global/china-and-japan-in-currency-agreement.html>; "China and Australia in \$31bn Currency Swap", *Financial Times*, May 22, 2012, <http://www.ft.com/intl/cms/s/0/4b6c4ab6-7404-11e1-bcec-00144feab49a.html#axzz2QeB9zdmx>; "China and Brazil in \$30bn Currency Swap Agreement", BBC News, 22/6/2012, <http://www.bbc.co.uk/news/business-21949615>.
19. Kosuke Takahashi, "Japan and China Bypass US in Direct Currency Trade," *The Asia – Pacific Journal* 24, số 3 (11/6/2012); Chin và Wang, "Debating the International Currency System," trang 13.
20. Từ "tương đối" là rất quan trọng. Kịch bản rất có thể xảy ra là đồng đô la sẽ vẫn là đồng tiền quốc tế được sử dụng rộng rãi nhất, với việc sử dụng nó làm xói mòn thứ giống như là "cái đầu tiên trong những cái tương tự nhau". Nhưng ngay cả khi đó thì sự suy giảm tương đối trong việc sử dụng quốc tế của nó cũng sẽ có hậu quả.
21. Xem Benjamin Cohen, "The Macrofoundations of Monetary Power," trong David M. Andrews, ed., *International Monetary Power* (Cornell University Press, 2006).
22. Susan Strange, "Finance, Information and Power", *Review of International Studies* 16, số 3 (tháng 7 năm 1990): 259-74.
23. Trong lý thuyết, với tỷ giá thả nổi, sự "tồn đọng" có thể được bỏ qua và tiền tệ dư thừa được "dọn dẹp" bởi giảm giá đồng tiền. Nhưng trong thực tế, các quốc gia là rất nhạy cảm với sự giảm giá đồng tiền kéo dài của mình, vốn đe dọa vượt tầm kiểm soát.
24. Lewis Johnman, "Defending the Pound: The Economics of the Suez Crisis, 1956", trong Anthony Gorst, Lewis Johnman and W. Scott Lewis (eds.) *Post-war Britain, 1945-64: Themes and Perspectives* (London: Pinter Publishers, 1989); Howard J. Dooley, "Great Britain's 'Last Battle' in the Middle East: Notes on Cabinet Planning during the Suez Crisis of 1956", *International History Review* 11, số 3 (tháng 8 năm 1989).
25. Jonathan Kirshner, *Appeasing Bankers: Financial Caution on the Road to War*, (Princeton: Princeton University Press, 2007).
26. H. Clark Johnson, *Gold, France and the Great Depression, 1919-1932*, (New Haven: Yale University Press, 1997); Kenneth Moure, *The Gold Standard Illusion: France, The Bank of France, and the International Gold Standard, 1914-1939*, (Oxford: Oxford University Press, 2002); Martin Wolfe, *The French Franc Between the Wars 1919-1939*, (New York: Columbia University Press, 1951): trang 35, 83.
27. Kenneth Moure, *Managing the Franc Poincaré': Economic Understanding and Political Constraint in French Monetary Policy, 1928-1936*, (Cambridge: Cambridge University Press, 1991): trang 17-18; 22, 27, 121; Barry Posen, *The Sources of Military Doctrine: France, Britain and Germany Between the World Wars*, (Ithaca: Cornell University Press, 1984): trang 20; Robert Murray Haig, "The National

- Budgets of France, 1928-1937”, Kỷ yếu của Viện Hàn Lâm Khoa học Chính trị 17, số 4 (1938): trang 26, 29; Talbot Imlay, *Facing the Second World War: Strategy, Politics and Economics in Britain and France 1938-1940*, (Oxford: Oxford University Press, 2003): trang 25; Bradford Lee, “Strategy, Arms, and the Collapse of France 1930-40”, trong Richard Langhorne (ed.) *Diplomacy and Intelligence during the Second World War*, (Cambridge: Cambridge University Press, 1985): trang 59, 63, 64, 65.
28. James Thomas Emmerson, *The Rhineland Crisis, 7/3/1936: A Study in Multilateral Diplomacy*, (Ames: Iowa State University Press, 1977), trang 78; Stephen Schuker, “France and the Remilitarization of the Rhineland, 1936”, *French Historical Studies* 14, số 3 (Mùa xuân 1936), trang 304, 330, 334, 335.
29. Daniel Drezner, “Bad Debts: Assessing China’s Financial Influence in Great Power Politics”, *International Security* 34, số 2 (2009).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
